

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN

Bản án số: 10/2024/DS-ST

Ngày 16/8/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Xuyên và bà Vũ Thị Thùy Đông.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Đăng Việt - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

- **Đại diện Viện KSND thành phố H, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2024/TLST-DS ngày 10/01/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-DS ngày 10/7/2024; quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 01/8/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q (Sau đây viết tắt là V2);

Trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S - A A, Phường B, Quận A, TP Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Thành C- Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ- Trung tâm quản lý nợ ngân hàng B- Khối ngân bán lẻ VIB;

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Chu Văn T - Cán bộ Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ liên lạc: Tầng D, Tòa nhà C, số D T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

* **Bị đơn:** Anh Đoàn Minh Đ, sinh năm 2000;

HKTT: Số nhà C, đường N, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

(Tại phiên tòa có mặt ông T; vắng mặt anh Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và các tài liệu, chứng cứ thì yêu cầu của nguyên đơn được tóm tắt như sau:

Ngày 31/12/2020 và ngày 29/11/2021 giữa Ngân hàng TMCP Q (bên cho vay) và anh Đoàn Minh Đ, sinh năm 2000; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số C đường N,

phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (bên vay) có ký kết 02 hợp đồng tín dụng (viết tắt: HĐTD) với tổng số tiền: 656.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi sáu triệu đồng*), cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 6582359.20 ngày 31/12/2020; Số tiền vay: 631.000.000 đồng; Mục đích vay: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic; Thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2028; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,1%/năm được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V2 tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 30, mỗi tháng trả 6.573.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; Hoàn trả lãi: vào ngày 30 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Ngày trả nợ đầu tiên là ngày 30/01/2021, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 31/12/2028; Trả phí: theo quy định của V2 từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 xe ô tô con nhãn hiệu Honda, số khung: MRHFC6610LT031213, số máy: R18Z17213012, mang BKS 89A-247.86.

Hợp đồng tín dụng số 8676372.21 ngày 29/11/2021: Số tiền vay: 25.000.000 đồng; Mục đích giải ngân: Mua sắm vật dụng trang thiết bị gia đình; Thời hạn vay: 24 tháng, từ ngày 30/11/2021 đến ngày 29/11/2023; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 11,7%/năm. Lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,3%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: vào ngày 29 hàng tháng, số tiền gốc trả hàng tháng là 1.041.667 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; Hoàn trả lãi: vào ngày 29 hàng tháng theo dư nợ thực tế phát sinh. Ngày trả nợ gốc lãi đầu tiên là ngày 29/12/2021; Trả phí: theo quy định của V2 từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn.

Sau khi ký các hợp đồng, V2 đã thực hiện giải ngân cho anh Đoàn Minh Đ tổng số tiền 656.000.000 đồng bằng các đơn đề nghị giải ngân kiểm soát nhận nợ theo các Hợp đồng đã ký kết.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, anh Đoàn Minh Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tạm tính đến ngày 05/10/2023 anh Đoàn Minh Đ đã thanh toán cho V2 được số tiền 378.530.036 đồng (trong đó tiền nợ gốc: 218.622.041đ; tiền lãi: 159.908.795đ). V2 đã nhiều lần đôn đốc, gửi thông báo và làm việc nhưng anh Đoàn Minh Đ vẫn không thực hiện.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, VIB đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên giải quyết các yêu cầu sau:

- Buộc anh Đoàn Minh Đ trả ngay cho V2 số tiền gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày 05/10/2023 là 456.299.078 đồng, trong đó: Dư nợ theo HĐTD số 6582359.20 ngày 31/12/2020 là 451.544.099 đồng (trong đó nợ gốc: 432.835.000đ; nợ lãi: 18.109.176đ; nợ lãi quá hạn: 599.923đ). Dư nợ theo HĐTD số 8676372.21 ngày 29/11/2021 là 4.684.979 đồng (trong đó nợ gốc: 4.542.959đ; nợ lãi: 98.031đ; nợ lãi quá hạn: 43.989đ).

- Buộc anh Đoàn Minh Đ tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn cho V2 kể từ ngày 06/10/2023 cho đến khi tất toán các khoản nợ theo thỏa thuận tại HĐTD và kiểm soát nhận nợ.

** Giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn anh Đoàn Minh Đ đã được tổng đạt hợp lệ giấy báo, giấy triệu tập nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có lời khai.*

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị:

- Buộc anh Đoàn Minh Đ thanh toán cho V2 số tiền gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày 16/8/2024 là 540.242.385 đồng, trong đó:

+ Dư nợ theo HĐTD số 6582359.20 ngày 31/12/2020 là 534.678.509 đồng (trong đó nợ gốc: 432.835.000đ; nợ lãi: 31.105.093đ; nợ lãi quá hạn: 70.738.416đ).

+ Dư nợ theo HĐTD số 8676372.21 ngày 29/11/2021 là 5.563.876 đồng (trong đó nợ gốc: 4.542.959đ; nợ lãi: 132.277đ; nợ lãi quá hạn: 888.640đ).

- Buộc anh Đoàn Minh Đ tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn cho V2 kể từ ngày 17/8/2024 cho đến khi tất toán các khoản nợ theo thỏa thuận tại HĐTD và khế ước nhận nợ.

- V2 không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Honda, số khung: MRHFC6610LT031213, số máy: R18Z17213012, mang BKS 89A-247.86.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Đoàn Minh Đ phải thanh toán cho VIB toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi, lãi quá hạn theo các HĐTD tính đến ngày 16/8/2024 là 540.242.385 đồng, trong đó:

+ Dư nợ theo HĐTD số 6582359.20 ngày 31/12/2020 là 534.678.509 đồng (trong đó nợ gốc: 432.835.000đ; nợ lãi: 31.105.093đ; nợ lãi quá hạn: 70.738.416đ).

+ Dư nợ theo HĐTD số 8676372.21 ngày 29/11/2021 là 5.563.876 đồng (trong đó nợ gốc: 4.542.959đ; nợ lãi: 132.277đ; nợ lãi quá hạn: 888.640đ).

Anh Đoàn Minh Đ tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn cho V2 kể từ ngày 17/8/2024 cho đến khi tất toán các khoản nợ theo thỏa thuận tại HĐTD và khế ước nhận nợ.

Anh Đoàn Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn anh Đoàn Minh Đ, sinh năm 2000; đăng ký HKTT tại C đường N, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Kết quả xác minh tại Công an phường L thể hiện: Anh Đoàn Minh Đ, sinh năm 2000; CCCD số 033200004789, có bố đẻ là ông Đoàn Thế V1, sinh năm 1964, mẹ đẻ là bà Phạm Thị L, sinh năm 1965 cùng đăng ký HKTT tại C đường N, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Hiện nay hộ gia đình ông V1 (trong đó có anh Đ) không còn sinh sống tại nơi đăng ký HKTT do nhà, đất tại 35 Nguyễn Thiện T1 đã chuyển nhượng cho người khác.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đối với bị đơn, anh Đoàn Minh Đ (*Ông Đoàn Thế V1, sinh năm 1964, hiện đang công tác tại UBND xã T, thành phố H - Là bố đẻ của anh Đ nhận thay*), nhưng anh Đ vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các Hợp đồng tín dụng số 6582359.20 ngày 31/12/2020 và Hợp đồng tín dụng số 8676372.21 ngày 29/11/2021 giữa V2 với anh Đoàn Minh Đ được lập thành văn bản, các bên ký kết đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng nên hình thức và nội dung các hợp đồng tín dụng là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật. Sau khi ký các hợp đồng, V2 đã thực hiện giải ngân cho anh Đoàn Minh Đ tổng số tiền 656.000.000 đồng bằng các đơn đề nghị giải ngân kiểm soát nhận nợ theo các Hợp đồng đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Đoàn Minh Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa các bên trong các hợp đồng tín dụng, do vậy VIB khởi kiện yêu cầu anh Đoàn Minh Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Đoàn Minh Đ phải thanh toán cho VIB nợ gốc và nợ lãi, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 16/8/2024 là 540.242.385 đồng, trong đó:

- Dư nợ theo HĐTD số 6582359.20 ngày 31/12/2020 là 534.678.509 đồng (trong đó nợ gốc: 432.835.000đ; nợ lãi: 31.105.093đ; nợ lãi quá hạn: 70.738.416đ).

- Dư nợ theo HĐTD số 8676372.21 ngày 29/11/2021 là 5.563.876 đồng (trong đó nợ gốc: 4.542.959đ; nợ lãi: 132.277đ; nợ lãi quá hạn: 888.640đ).

Và còn phải tiếp tục trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn kể từ ngày 17/8/2024 cho đến khi anh Đoàn Minh Đ thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký với V2.

Nguyên đơn không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con nhãn hiệu Honda, số khung: MRHFC6610LT031213, số máy: R18Z17213012, mang BKS 89A-247.86, theo Hợp đồng tín dụng số 6582359.20 ngày 31/12/2020 nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

T:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng TMCP Q đối với bị đơn, anh Đoàn Minh Đ.

Buộc anh Đoàn Minh Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 16/8/2024, cụ thể:

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 6582359.20 ngày 31/12/2020 là 534.678.509 đồng (Trong đó, nợ gốc: 432.835.000 đồng; nợ lãi: 31.105.093 đồng; nợ lãi quá hạn: 70.738.416 đồng).

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 8676372.21 ngày 29/11/2021 là 5.563.876 đồng (Trong đó, nợ gốc: 4.542.959 đồng; nợ lãi: 132.277 đồng; nợ lãi quá hạn: 888.640 đồng).

- Anh Đoàn Minh Đ còn phải tiếp tục trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn kể từ ngày 17/8/2024 cho đến khi anh Đoàn Minh Đ thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký với V2.

2. Về án phí: Anh Đoàn Minh Đ phải chịu 25.609.600đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn, Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.125.000đ (Mười một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000317 ngày 10/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày. Thời hạn kháng cáo của Nguyên đơn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; thời hạn kháng cáo của bị đơn tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hưng Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Thương